

# TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI THÁI NGUYÊN NĂM 2019

## 1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2019 tăng 9% so với năm 2018 (hoàn thành kế hoạch năm 2019); trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 3,48%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm vào tốc độ tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,94%, đóng góp 6,86 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng 6,62%, đóng góp 1,78 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung.

Trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới năm 2019 có nhiều khó khăn, có thể đánh giá mức tăng trưởng 9% là mức tăng trưởng cao so với cả nước và các tỉnh trong khu vực. Với kết quả tăng trưởng năm 2019 đạt 9%, nếu năm 2020 tốc độ tăng trưởng đạt 5% thì tính chung bình quân hàng năm giai đoạn 2015-2020 sẽ đạt mức tăng trưởng bình quân 10,64%/năm, vượt mục tiêu Đại hội đề ra (mục tiêu từ 10% trở lên).

Quy mô GRDP năm 2019 của tỉnh theo giá hiện hành đạt 107,8 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 83,5 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 5,8 triệu đồng/người/năm so với năm 2018 và vượt kế hoạch đề ra. Nếu tính theo Đô la Mỹ, GRDP bình quân đầu người tỉnh Thái Nguyên năm 2019 đạt 3.912 USD/người/năm (bình quân chung cả nước năm 2019 là 62,6 triệu đồng, tương đương 2.932 USD). Về cơ cấu kinh tế năm 2019, do ngành công nghiệp tăng cao trong 6 năm trở lại đây nên khu vực công nghiệp xây dựng chuyển dịch rất nhanh, năm 2019 chiếm tỷ trọng 58%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 10,3%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 31,7%.

## 2. Thu, chi ngân sách Nhà nước và Bảo hiểm

Năm 2019, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 15,58 nghìn tỷ đồng, tăng 3,3% so với năm 2018. Thu trong cân đối trên địa bàn đạt 15,5 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm 2018; trong đó, thu nội địa đạt 12,83 nghìn tỷ đồng (chiếm 82,4% tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn), tăng 8,2%; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 2,67 nghìn tỷ đồng (chiếm 17,1%), giảm 15,6%.

Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 đạt 12,12 nghìn tỷ đồng, trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 4,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 36,3% tổng chi cân đối), cao hơn cơ cấu chi đầu tư phát triển của năm 2018; chi thường xuyên đạt 8,8 nghìn tỷ đồng (chiếm 72,5%), tăng 9,2%; chi chương trình mục tiêu quốc gia đạt 1,24 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với năm 2018.

Theo số liệu của cơ quan chức năng, năm 2019, toàn tỉnh có 1.672,5 nghìn lượt người tham gia các loại bảo hiểm, tăng 1% so với năm 2018; trong đó có 238 nghìn người tham gia Bảo hiểm xã hội, tăng 2%; có 1.215,4 nghìn người tham gia Bảo hiểm y tế, tăng 0,3%; 219,1 nghìn người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp, tăng 4,1% so với năm 2018.

Tổng thu bảo hiểm năm 2019 đạt 5.437 tỷ đồng, trong đó, thu bảo hiểm xã hội đạt 3.668 tỷ đồng; bảo hiểm y tế đạt 1.496 tỷ đồng; bảo hiểm thất nghiệp đạt 273 tỷ đồng. Tổng số chi bảo hiểm năm 2019 đạt 6.011 tỷ đồng, trong đó chi bảo hiểm xã hội đạt 4.741 nghìn tỷ đồng; bảo hiểm y tế đạt 1.176 tỷ đồng; bảo hiểm thất nghiệp đạt 94 tỷ đồng. Tổng số dư bảo hiểm y tế cuối năm 2019 là 356 tỷ đồng.

### **3. Đầu tư**

Năm 2018, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư, với tinh thần đổi mới về tư duy, phương pháp, cách làm và mô hình tổ chức, tại Hội nghị đã có 38 nhà đầu tư đăng ký thực hiện 50 dự án với tổng mức đầu tư trên 46 nghìn tỷ đồng. Tiếp sau thành công của Hội nghị có thêm nhiều nhà đầu tư lớn trong nước, quốc tế đến tìm hiểu cơ hội và ký biên bản ghi nhớ đầu tư. Từ sau Hội nghị xúc tiến đầu tư (tháng 7/2018), tính đến cuối năm 2019 đã có 43 nhà đầu tư đăng ký triển khai 61 dự án trên địa bàn tỉnh với tổng số vốn trên 115.540 tỷ đồng, tập trung vào 6 lĩnh vực: Công nghiệp; nông nghiệp; siêu thị, thương mại, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, văn hóa - thể thao; hạ tầng đô thị, giao thông; y tế, giáo dục, công nghệ thông tin; xử lý rác thải và nghĩa trang. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp có 16 dự án; lĩnh vực nông nghiệp 3 dự án; lĩnh vực siêu thị, thương mại, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, văn hóa - thể thao 15 dự án; lĩnh vực hạ tầng đô thị, giao thông 19 dự án; lĩnh vực y tế, giáo dục, công nghệ thông tin 4 dự án; lĩnh vực xử lý rác thải và nghĩa trang có 4 dự án.

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2019 theo giá hiện hành ước đạt 40,5 nghìn tỷ đồng, giảm 10,2% so với năm 2018, bằng 37,6% GRDP; bao gồm: vốn đầu tư của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 25,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% và chiếm gần 64% tổng vốn đầu tư trên địa bàn (vốn khu vực Nhà nước 5,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,3% tổng vốn; khu vực ngoài Nhà nước 20,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 49,5%); còn lại khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 14,6 nghìn tỷ đồng (chiếm 36% tổng mức đầu tư trên địa bàn), giảm 30,2% cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài có quy mô lớn trên địa bàn đã cơ bản hoàn thiện và đi vào sản xuất nên vốn đầu tư tính chung cả năm 2019 trên địa bàn giảm so với năm 2018.

Về thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, năm 2019 có 20 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 368,02 triệu USD, tăng 04 dự án nhưng giảm 19,18 triệu USD về vốn đăng ký so với năm 2018. Tính chung tổng số

dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép và còn hiệu lực tính đến hết năm 2019 là 146 dự án với số vốn đăng ký đạt 8.194,89 triệu USD và vốn thực hiện đạt 7.098,20 triệu USD; trong đó, nhà đầu tư Hàn Quốc có 107 dự án; Trung Quốc có 11 dự án...

#### **4. Chỉ số giá**

Năm 2019 tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, nhưng kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát ở mức dưới 4%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) cả năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tăng 2,68% so với bình quân cùng kỳ, thấp hơn so với mức tăng 3,16% của bình quân năm 2018 và thấp hơn so với mức tăng 2,79% của bình quân chung cả nước.

Chỉ số giá vàng bình quân năm 2019 tăng 8,66% so với bình quân cùng kỳ năm trước và cao hơn so với mức tăng 2,25% của bình quân năm 2018; cao hơn so với mức tăng 7,55% của bình quân chung cả nước.

Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2019 tăng 1,04% so với cùng kỳ, thấp hơn so với mức tăng 1,27% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng 0,99% của bình quân chung cả nước.

#### **5. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp**

Theo kết quả điều tra Doanh nghiệp năm 2019, tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) trên toàn tỉnh tại thời điểm 01/01/2019 là 3.656 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động (bao gồm 3.497 doanh nghiệp và 159 hợp tác xã); tăng 208 doanh nghiệp so với cùng thời điểm năm 2018.

Quy mô nguồn vốn hoạt động của các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, tính đến thời điểm 01/01/2019 là 446,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm trước. Trong đó, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 65,3% tổng vốn; tiếp đến là khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng 28,9% và khu vực doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng thấp nhất với 5,8%. Quy mô nguồn vốn bình quân/1 doanh nghiệp 122,2 tỷ đồng, tăng 5,7% so cùng kỳ, trong đó doanh nghiệp trong nước là 40 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp FDI là 2.860,5 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp và hợp tác xã tính đến thời điểm 01/01/2019 là 215,5 nghìn người, giảm 0,76% so với năm trước, trong đó, số lao động thuộc khu vực kinh tế trong nước là 103,8 nghìn người, tăng 1,1% so với năm trước và lao động khu vực FDI là 111,8 nghìn người, giảm 2,42% so cùng kỳ. Trong đó, lao động nữ trong các doanh nghiệp FDI chiếm 66,4%. Số lao động bình quân trong 1 doanh nghiệp là 59 người, giảm 4 người/1 doanh nghiệp so với năm trước.

Thu nhập bình quân 1 lao động/1 tháng trong năm 2018 là 8,9 triệu đồng, trong đó thu nhập bình quân/1 lao động của doanh nghiệp trong nước là 8,6 triệu đồng/tháng và doanh nghiệp FDI là 10,6 triệu đồng/tháng. So với năm 2017, thu nhập bình quân 1 lao động/tháng của năm 2018 cao hơn 181 nghìn đồng (*do khu vực trong nước tăng 450 nghìn đồng/lao động/tháng, còn khu vực FDI tăng 282 nghìn đồng/người/tháng*).

## **6. Kết quả sản xuất kinh doanh một số ngành, lĩnh vực**

### **- Nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Năm 2019 chăn nuôi lợn gặp nhiều khó khăn do phát sinh bệnh lở mồm long móng và dịch tả lợn Châu Phi. Ngành trồng trọt tuy diện tích gieo trồng giảm nhưng do đẩy mạnh thâm canh nên năng suất thu hoạch tăng, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm trên 1 ha đất nông nghiệp trồng trọt.

Tổng diện tích gieo trồng năm 2019 của tất cả các loại cây đạt 153 nghìn ha, giảm 1,1 nghìn ha (-0,7%) so với năm 2018; bao gồm diện tích cây hàng năm 115 nghìn ha, giảm 1 nghìn ha (-0,9%); diện tích cây lâu năm đạt 38 nghìn ha, giảm 79 nghìn ha (-0,2%).

Sản lượng lúa cả năm 2019 đạt 384,7 nghìn tấn, giảm 1,75 nghìn tấn so với năm 2018. Nếu tính thêm 79,2 nghìn tấn ngô thì tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2018 đạt 463,9 nghìn tấn, giảm 2,4 nghìn tấn so với năm 2018. Sản lượng chè búp tươi đạt 239,2 nghìn tấn, tăng 3,6%.

Năm 2019, diện tích trồng rừng mới tập trung của toàn tỉnh đạt 5,4 nghìn ha, giảm 550 ha so với năm 2018. Trong đó: rừng sản xuất đạt 4,99 nghìn ha (-7,1%); rừng phòng hộ đạt 406 ha (-14,5%).

Năm 2019, diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt 5.923 ha, trong đó, diện tích nuôi cá chiếm chủ yếu đạt 5.857 ha, còn lại là diện tích nuôi hỗn hợp và diện tích ương, nuôi giống thủy sản. Sản lượng thủy sản đạt 13,6 nghìn tấn, tăng 13,2% so với năm 2018, trong đó lượng thủy sản nuôi trồng đạt 13,4 nghìn tấn; thủy sản khai thác đạt 234 tấn, tăng 15,8%.

### **- Công nghiệp**

Năm 2019 sản xuất công nghiệp trên địa bàn vẫn duy trì được tốc độ phát triển khá cao. Những mặt hàng sản xuất đang phát triển mạnh như sản phẩm điện tử, viễn thông và sản xuất trang phục góp phần đưa chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp cả năm hoàn thành vượt mức so kế hoạch ở tất cả các khu vực, thành phần kinh tế.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp cả năm 2019 tăng 11,1% so với cùng kỳ. Trong đó, tăng cao nhất là ngành sản xuất và phân phối điện tăng 14,2%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,4% (do nhóm ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 42,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi

kim loại khác tăng 21,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 11,8%); ngành khai khoáng giảm 6,4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 12,7%.

#### ***- Thương mại***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 37,4 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực Nhà nước đạt 1,97 nghìn tỷ đồng, tăng 13,8%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước đạt 35,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 211 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ.

Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2019 đạt 27,6 tỷ USD, tăng 11,2% so cùng kỳ; trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 27 tỷ USD (chiếm 98% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 10,9% so với cùng kỳ; xuất khẩu địa phương là 558,8 triệu USD, tăng 30% so năm 2018. Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn năm 2019 đạt 15,2 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu 244,5 triệu USD (chiếm 1,6% tổng giá trị nhập khẩu trên địa bàn), giảm 13,2% so cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 98,4% tổng giá trị nhập khẩu.

Tính chung cả năm 2019, tổng doanh thu vận tải trên địa bàn đạt 4.563,6 tỷ đồng, tăng 11,4% cùng kỳ. Vận tải hành khách năm 2019 đạt 20 triệu hành khách với 1.139,8 triệu hành khách luân chuyển, tăng 10,4% so với cùng kỳ về số hành khách vận chuyển và tăng 9,8% về số lượng hành khách luân chuyển. Vận tải hàng hóa năm 2019 đạt 42,6 triệu tấn với 1.715 triệu tấn.km, tăng 7,8% về khối lượng vận chuyển và tăng 8,2% khối lượng luân chuyển so với cùng kỳ.

### **7. Một số vấn đề xã hội**

#### ***- Dân số, lao động và việc làm***

Dân số trung bình năm 2019 tỉnh Thái Nguyên đạt 1.290,9 nghìn người, trong đó, dân số khu vực thành thị chiếm 32,1% và dân số khu vực nông thôn chiếm 67,9%.

Lao động việc làm: Theo báo cáo của ngành chức năng, năm 2019 toàn tỉnh tạo việc làm tăng thêm cho 24,7 nghìn người, gấp gần 2,5 lần kế hoạch; trong đó xuất khẩu lao động đạt 2.018 người; tăng 67,6% so với cùng kỳ và gấp 2 lần kế hoạch.

#### ***- Đời sống dân cư***

Nhìn chung, đời sống của các tầng lớp dân cư trên địa bàn tỉnh cơ bản được đảm bảo và có nhiều cải thiện về mặt tinh thần cũng như vật chất; các

chính sách xã hội được chú trọng, tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội đảm bảo.

Trong năm 2019, mưa lũ, ngập lụt xảy ra nhiều trên địa bàn tỉnh, tính chung trong năm toàn tỉnh đã xảy ra 13 đợt thiên tai mưa giông lốc và sấm sét (cùng kỳ là 12 đợt thiên tai), làm 08 người bị thương và có 07 người chết (trong đó có 03 người chết do bị sét đánh, 01 người chết do lũ cuốn trôi).

**- Trật tự và an toàn xã hội**

Tính chung 12 tháng năm 2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 168 vụ tai nạn giao thông, làm chết 67 người và 153 người bị thương. Trong đó giao thông đường bộ là 167 vụ tai nạn và 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt.

Chung cả năm 2019 (tính từ ngày 16/12/2018 đến 15/12/2019), trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên xảy ra 113 vụ cháy (giảm 58 vụ, giảm 34% so cùng kỳ), có 01 người bị chết. Ước tính tổng giá trị tài sản thiệt hại khoảng trên 9 tỷ đồng (giảm 38,1 % so cùng kỳ).

**Khái quát lại**, năm 2019 các cấp, các ngành đã tích cực triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra trong các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019 và thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, cải thiện môi trường đầu tư tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư. Từ hiệu ứng lan tỏa của Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Thái Nguyên năm 2018, nhiều nhà đầu tư đã đến nghiên cứu, đề xuất đầu tư các dự án tại tỉnh Thái Nguyên.

Kinh tế - xã hội năm 2019 trên địa bàn tỉnh đạt được kết quả tích cực. Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt mức tăng khá so với cùng kỳ và cao hơn bình quân chung cả nước như: sản xuất ngành công nghiệp; tốc độ tăng giá trị xuất khẩu trên địa bàn; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; giá cả thị trường tăng thấp hơn bình quân cả nước, cung cầu hàng hóa được đảm bảo; đời sống dân cư cơ bản ổn định và phát triển. Đây là kết quả của sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

**TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SO VỚI NĂM TRƯỚC**  
**Growth rate of some main indicators compared to the previous year (%)**

